

<https://healthyungthu.com/shop/>

Tờ rơi gói: Thông tin cho người dùng

Sunitinib 12,5 mg viên nang cứng

Sunitinib 25 mg viên nang cứng

Sunitinib 37,5 mg viên nang cứng

Sunitinib 50 mg viên nang cứng

sunitinib

Đọc kỹ tờ rơi này trước khi bạn bắt đầu dùng thuốc này vì nó chứa những thông tin quan trọng cho bạn.

- Hãy giữ tờ rơi này. Bạn có thể cần phải đọc nó một lần nữa.
- Nếu bạn có thêm bất kỳ câu hỏi nào, hãy hỏi bác sĩ hoặc dược sĩ của bạn.
- Thuốc này chỉ được kê đơn cho bạn. Đừng truyền nó cho người khác. Nó có thể gây hại cho họ, ngay cả khi các dấu hiệu bệnh tật của họ giống như của bạn.
- Nếu bạn gặp bất kỳ tác dụng phụ nào, hãy nói chuyện với bác sĩ của bạn. Điều này bao gồm bất kỳ tác dụng phụ nào có thể xảy ra không được liệt kê trong tờ rơi này. Xem phần 4.

Có gì trong tờ rơi này

1. Viên nang cứng Sunitinib là gì và dùng để làm gì
2. Những điều bạn cần biết trước khi dùng viên nang cứng Sunitinib
3. Cách dùng viên nang cứng Sunitinib
4. Các tác dụng phụ có thể xảy ra
5. Cách bảo quản viên nang cứng Sunitinib
6. Nội dung của gói và thông tin khác

1. Viên nang cứng Sunitinib là gì và dùng để làm gì

Thuốc này có chứa hoạt chất sunitinib, một chất ức chế protein kinase. Nó được sử dụng để điều trị ung thư bằng cách ngăn chặn hoạt động của một nhóm protein đặc biệt được biết là có liên quan đến sự phát triển và lan rộng của tế bào ung thư.

Sunitinib được sử dụng để điều trị cho người lớn mắc các loại ung thư sau:

- Khối u mô đệm đường tiêu hóa (GIST), một loại ung thư dạ dày và ruột, trong đó imatinib (một loại thuốc chống ung thư khác) không còn tác dụng hoặc bạn không thể dùng imatinib.
- Ung thư biểu mô tế bào thận di căn (MRCC), một loại ung thư thận đã lan sang các bộ phận khác của cơ thể.
- Các khối u thần kinh nội tiết tuyến tụy (pNET) (khối u của các tế bào sản xuất hormone trong tuyến tụy) đã tiến triển hoặc không thể loại bỏ bằng phẫu thuật.

Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào về cách thức hoạt động của Sunitinib hoặc tại sao thuốc này được kê đơn cho bạn, hãy hỏi bác sĩ.

2. Những điều bạn cần biết trước khi dùng viên nang cứng Sunitinib

Không dùng viên nang cứng Sunitinib: nếu

- bạn bị dị ứng với sunitinib hoặc bất kỳ thành phần nào khác của thuốc này (được liệt kê trong phần 6).

Cảnh báo và đề phòng

Nói chuyện với bác sĩ trước khi dùng Sunitinib:

<https://healthyngthu.com/shop/>

- Nếu bạn bị huyết áp cao. Sunitinib có thể làm tăng huyết áp. Bác sĩ có thể kiểm tra huyết áp của bạn trong quá trình điều trị bằng Sunitinib và bạn có thể được điều trị bằng thuốc để giảm huyết áp nếu cần.
- Nếu bạn đang hoặc đã từng mắc bệnh về máu, các vấn đề về chảy máu hoặc bầm tím. Điều trị bằng Sunitinib có thể dẫn đến nguy cơ chảy máu cao hơn hoặc dẫn đến thay đổi số lượng tế bào nhất định trong máu, có thể dẫn đến thiếu máu hoặc ảnh hưởng đến khả năng đông máu của bạn. Nếu bạn đang dùng warfarin hoặc acenocoumarole, những loại thuốc làm loãng máu để ngăn ngừa cục máu đông, có thể có nguy cơ chảy máu cao hơn. Hãy cho bác sĩ biết nếu bạn bị chảy máu khi điều trị bằng Sunitinib.
- Nếu bạn có vấn đề về tim. Sunitinib có thể gây ra các vấn đề về tim. Hãy cho bác sĩ biết nếu bạn cảm thấy rất mệt mỏi, khó thở hoặc bị sưng bàn chân và mắt cá chân.
- Nếu bạn có những thay đổi nhịp tim bất thường. Sunitinib có thể gây ra sự bất thường về nhịp tim của bạn. Bác sĩ của bạn có thể lấy điện tâm đồ để đánh giá những vấn đề này trong quá trình điều trị bằng Sunitinib. Hãy cho bác sĩ của bạn nếu bạn cảm thấy chóng mặt, ngất xỉu hoặc có nhịp tim bất thường khi dùng Sunitinib.
- Nếu gần đây bạn gặp vấn đề về cục máu đông trong tĩnh mạch và/hoặc động mạch (các loại mạch máu), bao gồm đột quỵ, đau tim, tắc mạch hoặc huyết khối. Gọi cho bác sĩ ngay nếu bạn nhận được các triệu chứng như đau ngực hoặc áp lực, đau ở cánh tay, lưng, cổ hoặc hàm, khó thở, tê hoặc yếu ở một bên cơ thể, khó nói, nhức đầu hoặc chóng mặt khi đang điều trị với Sunitinib.
- Nếu bạn đã hoặc đang bị chứng phình động mạch (phóng to và suy yếu thành mạch máu) hoặc rách thành mạch máu.
- Nếu bạn đã hoặc đang bị tổn thương các mạch máu nhỏ nhất được gọi là bệnh vi mạch huyết khối (TMA). Hãy cho bác sĩ biết nếu bạn bị sốt, mệt mỏi, bầm tím, chảy máu, sưng tấy, lú lẫn, giảm thị lực và co giật.
- Nếu bạn có vấn đề về tuyến giáp. Sunitinib có thể gây ra các vấn đề về tuyến giáp. Hãy cho bác sĩ của bạn biết nếu bạn dễ mệt mỏi hơn, thường cảm thấy lạnh hơn những người khác hoặc giọng nói của bạn trầm hơn khi dùng Sunitinib. Chức năng tuyến giáp của bạn nên được kiểm tra trước khi dùng Sunitinib và thường xuyên trong khi dùng thuốc. Nếu tuyến giáp của bạn không sản xuất đủ hormone tuyến giáp, bạn có thể được điều trị bằng cách thay thế hormone tuyến giáp.
- Nếu bạn đang hoặc đã từng bị rối loạn tuyến tụy hoặc túi mật. Hãy cho bác sĩ biết nếu bạn phát triển bất kỳ dấu hiệu và triệu chứng nào sau đây: đau ở vùng dạ dày (bụng trên), buồn nôn, nôn và sốt. Đây có thể là do viêm tuyến tụy hoặc túi mật.
- Nếu bạn đang hoặc đã từng có vấn đề về gan. Hãy cho bác sĩ biết nếu bạn phát triển bất kỳ dấu hiệu và triệu chứng nào sau đây của các vấn đề về gan trong quá trình điều trị bằng Sunitinib: ngứa, vàng mắt hoặc da, nước tiểu sẫm màu và đau hoặc khó chịu ở vùng bụng trên bên phải. Bác sĩ nên làm xét nghiệm máu để kiểm tra chức năng gan của bạn trước và trong khi điều trị bằng Sunitinib và theo chỉ định lâm sàng.
- Nếu bạn đang hoặc đã từng có vấn đề về thận. Bác sĩ sẽ theo dõi chức năng thận của bạn.
- Nếu bạn sắp phẫu thuật hoặc nếu bạn đã phẫu thuật gần đây. Sunitinib có thể ảnh hưởng đến quá trình lành vết thương của bạn. Bạn thường sẽ được ngừng sử dụng Sunitinib nếu bạn đang phẫu thuật. Bác sĩ sẽ quyết định thời điểm bắt đầu lại Sunitinib.

<https://healthyngthu.com/shop/>

- Bạn có thể được khuyên nên khám răng trước khi bắt đầu điều trị bằng Sunitinib.
 - Nếu bạn bị hoặc đã từng bị đau ở miệng, răng và/hoặc hàm, sưng hoặc lở loét bên trong miệng, tê hoặc cảm giác nặng ở hàm hoặc răng lung lay, hãy báo ngay cho bác sĩ và nha sĩ.
 - Nếu bạn cần điều trị nha khoa xâm lấn hoặc phẫu thuật nha khoa, hãy nói với nha sĩ rằng bạn đang được điều trị bằng Sunitinib, đặc biệt là khi bạn cũ ng đang hoặc đã nhận bisphosphonate tiêm tĩnh mạch. Bisphosphonates là thuốc dùng để ngăn ngừa các biến chứng về xương có thể được dùng để điều trị một tình trạng bệnh lý khác.
- Nếu bạn đang hoặc đã từng bị rối loạn da và mô dưới da. Trong khi bạn đang dùng thuốc này, "viêm da mũ hoại thư" (loét da đau đớn) hoặc "viêm cân hoại tử" (nhiễm trùng lan rộng nhanh chóng ở da/mô mềm có thể đe dọa tính mạng) có thể xảy ra. Liên hệ với bác sĩ của bạn ngay lập tức nếu các triệu chứng nhiễm trùng xảy ra xung quanh vết thương trên da, bao gồm sốt, đau, đỏ, sưng hoặc chảy mủ hoặc máu. Hiện tượng này thường hồi phục sau khi ngừng sử dụng sunitinib. Phát ban da nghiêm trọng (hội chứng Stevens-Johnson, hoại tử biểu bì nhiễm độc, hồng ban đa dạng) đã được báo cáo khi sử dụng sunitinib, ban đầu xuất hiện dưới dạng các đốm giống mục tiêu màu đỏ hoặc các mảng hình tròn thường có mụn nước ở giữa trên thân. Phát ban có thể tiến triển thành phỏng rộp hoặc bong tróc da lan rộng và có thể đe dọa tính mạng. Nếu bạn bị phát ban hoặc có các triệu chứng về da này, hãy tìm lời khuyên ngay lập tức từ bác sĩ.
- Nếu bạn đã hoặc đang bị co giật. Thông báo cho bác sĩ càng sớm càng tốt nếu bạn bị huyết áp cao, đau đầu hoặc mất thị lực.
- Nếu bạn mắc bệnh tiểu đường. Lượng đường trong máu ở bệnh nhân tiểu đường nên được kiểm tra thường xuyên để đánh giá xem có cần điều chỉnh liều lượng thuốc trị đái tháo đường để giảm thiểu nguy cơ lượng đường trong máu thấp hay không. Hãy thông báo cho bác sĩ càng sớm càng tốt nếu bạn gặp bất kỳ dấu hiệu và triệu chứng nào của lượng đường trong máu thấp (mệt mỏi, đánh trống ngực, đổ mồ hôi, đói và mất ý thức).

Trẻ em và thanh thiếu niên

Sunitinib không được khuyến cáo cho những người dưới 18 tuổi.

Các loại thuốc khác và viên nang cứng Sunitinib

Hãy cho bác sĩ hoặc dược sĩ của bạn biết nếu bạn đang dùng, gần đây đã dùng hoặc có thể dùng bất kỳ loại thuốc nào khác, kể cả các loại thuốc mua không cần đơn và thậm chí cả những thuốc không được kê đơn.

Một số loại thuốc có thể ảnh hưởng đến nồng độ Sunitinib trong cơ thể bạn. Bạn nên thông báo cho bác sĩ nếu bạn đang dùng thuốc có chứa các hoạt chất sau:

ketoconazol, itraconazol - dùng để điều trị nhiễm nấm

erythromycin, clarithromycin, rifampicin - dùng để điều trị nhiễm trùng

ritonavir - dùng để điều trị HIV

dexamethasone - một loại corticosteroid được sử dụng cho nhiều tình trạng khác nhau (chẳng hạn như dị ứng/rối loạn hô hấp hoặc bệnh ngoài da)

phenytoin, carbamazepine, phenobarbital - dùng để điều trị bệnh động kinh và các tình trạng thần kinh khác

các chế phẩm thảo dược có chứa St. John's Wort (*Hypericum perforatum*) - dùng để điều trị trầm cảm và lo âu

Viên nang cứng Sunitinib cùng với thức ăn

và đồ uống Bạn nên tránh uống nước bưởi trong khi điều trị bằng Sunitinib.

Mang thai và cho con bú Nếu bạn

đang mang thai hoặc cho con bú, nghĩ rằng mình có thể đang mang thai hoặc đang có kế hoạch sinh con, hãy hỏi bác sĩ hoặc dược sĩ để được tư vấn trước khi dùng thuốc này.

<https://healthyngthu.com/shop/>

Nếu bạn có khả năng mang thai, bạn nên sử dụng một phương pháp tránh thai đáng tin cậy trong quá trình điều trị bằng Sunitinib.

Nếu bạn đang cho con bú, hãy nói với bác sĩ của bạn. Bạn không nên cho con bú trong thời gian điều trị bằng Sunitinib.

Lái xe và vận hành máy móc Nếu bạn

bị chóng mặt hoặc cảm thấy mệt mỏi bất thường, hãy đặc biệt thận trọng khi lái xe hoặc sử dụng máy móc.

Viên nang cứng Sunitinib chứa natri

Thuốc này chứa ít hơn 1 mmol natri (23 mg) mỗi viên, nghĩa là về cơ bản là 'không chứa natri'.

3. Cách dùng viên nang cứng Sunitinib

Luôn dùng thuốc này đúng như bác sĩ đã nói với bạn. Kiểm tra với bác sĩ của bạn nếu bạn không

Chắc chắn.

Bác sĩ sẽ kê đơn liều lượng phù hợp cho bạn, tùy thuộc vào loại ung thư cần điều trị. Nếu bạn đang được điều trị:

- GIST hoặc MRCC: liều thông thường là 50 mg, 1 lần/ngày, uống trong 28 ngày (4 tuần), sau đó nghỉ 14 ngày (2 tuần) (không dùng thuốc), theo chu kỳ 6 tuần.
- pNET: liều thông thường là 37,5 mg, 1 lần/ngày, không nghỉ.

Bác sĩ sẽ xác định liều thích hợp bạn cần dùng, cũ ng như khi nào và khi nào bạn cần ngừng điều trị bằng Sunitinib.

Sunitinib có thể uống cùng hoặc không cùng thức ăn.

Nếu bạn dùng nhiều viên nang cứng Sunitinib hơn mức cần thiết. Nếu bạn

vô tình uống quá nhiều viên nang, hãy nói chuyện ngay với bác sĩ. Bạn có thể cần được chăm sóc y tế.

Nếu bạn quên uống viên nang cứng Sunitinib

Không dùng liều gấp đôi để bù cho liều đã quên.

4. Tác dụng phụ có thể xảy ra

Giống như tất cả các loại thuốc, thuốc này có thể gây ra tác dụng phụ, mặc dù không phải ai cũ ng gặp phải.

Bạn phải liên hệ ngay với bác sĩ nếu gặp bất kỳ tác dụng phụ nghiêm trọng nào (xem thêm Những điều bạn cần biết trước khi dùng viên nang cứng Sunitinib):

Vấn đề tim mạch. Hãy cho bác sĩ biết nếu bạn cảm thấy rất mệt mỏi, khó thở hoặc bị sưng bàn chân và mắt cá chân. Đây có thể là triệu chứng của các vấn đề về tim, bao gồm suy tim và các vấn đề về cơ tim (bệnh cơ tim).

Vấn đề về phổi hoặc hô hấp. Hãy cho bác sĩ biết nếu bạn bị ho, đau ngực, khó thở đột ngột hoặc ho ra máu. Đây có thể là triệu chứng của một tình trạng gọi là thuyên tắc phổi xảy ra khi cục máu đông di chuyển đến phổi của bạn.

Rối loạn thận. Hãy cho bác sĩ biết nếu bạn thấy tần suất đi tiểu thay đổi hoặc không đi tiểu, đây có thể là triệu chứng của suy thận.

<https://healthyngthu.com/shop/>

Sự chảy máu. Hãy cho bác sĩ của bạn biết nếu bạn có bất kỳ triệu chứng nào sau đây hoặc vấn đề chảy máu nghiêm trọng trong quá trình điều trị bằng Sunitinib: đau, sưng bụng (bụng); nôn ra máu; phân đen, dính; nước tiểu có máu; nhức đầu hoặc thay đổi trạng thái tinh thần của bạn; ho ra máu hoặc đờm có máu từ phổi hoặc đường thở.

Sự phá hủy khối u dẫn đến lỗ trong ruột. Hãy cho bác sĩ biết nếu bạn bị đau bụng dữ dội, sốt, buồn nôn, nôn, có máu trong phân hoặc thay đổi thói quen đại tiện.

Các tác dụng phụ khác với Sunitinib có thể bao gồm:

Rất phổ biến: có thể ảnh hưởng đến hơn 1 trên 10 người

- Giảm số lượng tiểu cầu, hồng cầu và/hoặc bạch cầu (ví dụ bạch cầu trung tính).
- Hụt hơi.
- Huyết áp cao.
- Mệt mỏi tột độ, mất sức.
- Sưng do chất lỏng dưới da và quanh mắt, phát ban dị ứng sâu.
- Đau miệng/kích ứng, lở miệng/viêm/khô miệng, rối loạn vị giác, khó chịu ở dạ dày, buồn nôn, nôn, tiêu chảy, táo bón, đau bụng/sưng tấy, chán ăn/chán ăn.
- Giảm hoạt động của tuyến giáp (suy giáp).
- Chóng mặt.
- Đau đầu.
- Chảy máu mũi.
- Đau lưng, đau khớp.
- Đau ở cánh tay và chân.
- Da vàng/đổi màu da, sắc tố da dư thừa, thay đổi màu tóc, phát ban ở lòng bàn tay và lòng bàn chân, phát ban, khô da.
- Ho.
- Sốt.
- Khó đi vào giấc ngủ.

Phổ biến: có thể ảnh hưởng đến 1 trên 10 người

- Cục máu đông trong mạch máu.
- Thiếu máu cung cấp cho cơ tim do tắc nghẽn hoặc co thắt động mạch vành.
- Đau ngực.
- Giảm lượng máu bơm vào tim.
- Giữ nước bao gồm cả xung quanh phổi.
- Nhiễm trùng.
- Biến chứng nhiễm trùng nặng (nhiễm trùng hiện diện trong máu) có thể dẫn đến tổn thương mô, suy nội tạng và tử vong.
- Giảm lượng đường trong máu (xem phần 2).
- Mất protein qua nước tiểu đôi khi dẫn đến sưng tấy.
- Hội chứng giống cúm.
- Xét nghiệm máu bất thường bao gồm men tụy và gan.
- Nồng độ axit uric trong máu cao.
- Bệnh trĩ, đau trực tràng, chảy máu nướu, khó nuốt hoặc không nuốt được.
- Cảm giác nóng rát hoặc đau ở lưỡi, viêm niêm mạc đường tiêu hóa, đầy hơi trong dạ dày hoặc ruột.
- Giảm cân.
- Đau cơ xương (đau ở cơ và xương), yếu cơ, mỏi cơ, đau cơ, co thắt cơ.
- Mũi khô, nghẹt mũi.
- Nước mắt chảy quá nhiều.

<https://healthyungthu.com/shop/>

- Cảm giác bất thường trên da, ngứa, bong tróc và viêm da, phỏng rộp, nổi mụn, đổi màu móng, rụng tóc.
- Cảm giác bất thường ở tứ chi.
- Độ nhạy tăng/giảm bất thường, đặc biệt là khi chạm vào.
- Chứng ợ nóng axit.
- Mất nước.
- Nóng bừng.
- Nước tiểu có màu bất thường.
- Trầm cảm.
- Ớn lạnh.

Không phổ biến: có thể ảnh hưởng đến 1 trên 100 người

- Nhiễm trùng mô mềm đe dọa tính mạng bao gồm cả vùng hậu môn sinh dục (xem phần 2).
- Đột quỵ.
- Đau tim do lượng máu cung cấp cho tim bị gián đoạn hoặc giảm.
- Thay đổi hoạt động điện hoặc nhịp tim bất thường.
- Chất lỏng xung quanh tim (tràn dịch màng ngoài tim).
- Suy gan.
- Đau bụng (bụng) do viêm tuyến tụy.
- Sự phá hủy khối u dẫn đến lỗ trong ruột (thủng).
- Viêm (sưng và đỏ) túi mật có hoặc không có sỏi mật liên quan.
- Óng bất thường giống như đường đi từ khoang cơ thể bình thường này sang khoang cơ thể khác hoặc da.
- Đau miệng, răng và/hoặc hàm, sưng hoặc lở loét bên trong miệng, tê hoặc cảm giác nặng ở hàm hoặc răng lung lay. Đây có thể là dấu hiệu và triệu chứng của tổn thương xương ở hàm (hoại tử xương), xem phần 2.
- Sản xuất quá nhiều hormone tuyến giáp làm tăng lượng năng lượng cơ thể sử dụng ngày người.
- Vấn đề chữa lành vết thương sau phẫu thuật.
- Tăng nồng độ enzyme trong máu (creatine phosphokinase) từ cơ.
- Phản ứng quá mức với chất gây dị ứng bao gồm sốt cỏ khô, nổi mẩn da, ngứa da, nổi mề đay, sưng tấy các bộ phận cơ thể và khó thở.
- Viêm đại tràng (viêm đại tràng, viêm đại tràng thiếu máu cục bộ).

Hiếm gặp: có thể ảnh hưởng đến 1 trên

- 1.000 người Phản ứng nghiêm trọng ở da và/hoặc màng nhầy (hội chứng Stevens-Johnson, hoại tử biểu bì nhiễm độc, ban đỏ đa dạng).
- Hội chứng ly giải khối u (TLS) - TLS bao gồm một nhóm các biến chứng chuyển hóa có thể xảy ra trong quá trình điều trị ung thư. Những biến chứng này là do các sản phẩm phân hủy của các tế bào ung thư đang chết và có thể bao gồm những triệu chứng sau: buồn nôn, khó thở, nhịp tim không đều, chuột rút cơ bắp, co giật, nước tiểu đục và mệt mỏi liên quan đến kết quả xét nghiệm bất thường trong phòng thí nghiệm (kali cao, urê huyết). mức độ axit và photpho và mức độ canxi thấp trong máu) có thể dẫn đến thay đổi chức năng thận và suy thận cấp.
- Suy nhược cơ bất thường có thể dẫn đến các vấn đề về thận (tiêu cơ vân).
- Những thay đổi bất thường trong não có thể gây ra một loạt các triệu chứng bao gồm đau đầu, lú lẫn, co giật và giảm thị lực (hội chứng bệnh não chất trắng sau có thể đảo ngược).
- Loét da đau đớn (viêm da mủ hoại thư).
- Viêm gan (viêm gan).
- Viêm tuyến giáp.
- Tổn thương các mạch máu nhỏ nhất được gọi là bệnh vi mạch huyết khối (TMA).

Không rõ (tần suất không thể ước tính từ dữ liệu sẵn có) •

Thành mạch máu bị phì đại và yếu đi hoặc thành mạch máu bị rách (phình động mạch và bóc tách động mạch).

<https://healthyungthu.com/shop/>

Báo cáo tác dụng phụ Nếu bạn

gặp bất kỳ tác dụng phụ nào, hãy nói chuyện với bác sĩ hoặc dược sĩ của bạn. Điều này bao gồm bất kỳ tác dụng phụ nào có thể xảy ra không được liệt kê trong tờ rơi này. Bạn cũng có thể báo cáo tác dụng phụ trực tiếp thông qua Chương trình Thẻ Vàng tại <http://www.mhra.gov.uk/yellowcard> hoặc tìm kiếm Thẻ vàng MHRA trong Google Play hoặc Apple App Store. Bằng cách báo cáo các tác dụng phụ, bạn có thể giúp cung cấp thêm thông tin về độ an toàn của thuốc này.

5. Cách bảo quản viên nang cứng Sunitinib

Giữ thuốc xa tầm mắt và tầm với của trẻ em.

Không sử dụng thuốc này sau ngày hết hạn được ghi trên thùng carton, chai và vỉ sau "EXP". Ngày hết hạn đề cập đến ngày cuối cùng của tháng đó.

Vỉ:

Bảo quản dưới 30°C.

Gói chai:

Bảo quản dưới 25°C.

Không sử dụng thuốc này nếu bạn nhận thấy gói thuốc bị hỏng hoặc có dấu hiệu giả mạo.

Đừng vứt bỏ bất kỳ loại thuốc nào qua nước thải hoặc rác thải sinh hoạt. Hỏi dược sĩ của bạn cách vứt bỏ những loại thuốc bạn không còn sử dụng. Những biện pháp này sẽ giúp bảo vệ môi trường.

6. Nội dung gói và các thông tin khác

Viên nang cứng Sunitinib chứa gì

Hoạt chất là sunitinib. Mỗi viên nang chứa sunitinib malate tương đương với 12,5 mg, 25 mg, 37,5 mg hoặc 50 mg sunitinib. Các thành phần khác là:

- Hàm lượng viên nang: mannitol (E421), natri croscarmellose, tinh bột, pregelatinized và magie stearat.
- Vỏ nang: gelatin, nước tinh khiết, titan dioxide (E171), oxit sắt đỏ (E172) [chỉ 12,5 mg; 25 mg và 50 mg], oxit sắt đen (E172) [chỉ dành cho loại 25 mg và 50 mg], oxit sắt màu vàng (E172) [chỉ dành cho loại 25 mg, 37,5 mg và 50 mg].
- Mực in: shellac (E904), propylene glycol (E1520), kali hydroxit (E525), titan dioxide (E171) [chỉ với 12,5 mg; 25 mg và 50 mg], oxit sắt đen (E172) [chỉ dành cho 37,5 mg].

Viên nang cứng Sunitinib trông như thế nào và hàm lượng trong gói

Sunitinib 12,5 mg được cung cấp dưới dạng viên nang gelatin cứng (khoảng 15 mm) với thân màu cam đục có in chữ số "6" và nắp đục màu cam có in chữ "MS" bằng mực trắng.

Sunitinib 25 mg được cung cấp dưới dạng viên nang gelatin cứng (khoảng 16 mm) với thân màu cam đục có in chữ số "7" và nắp màu đục caramel có in chữ "MS" bằng mực trắng.

Sunitinib 37,5 mg được cung cấp dưới dạng viên nang gelatin cứng (khoảng 16 mm), thân màu vàng đục có in số "8" và nắp màu vàng đục có in chữ "MS" bằng mực đen.

Sunitinib 50 mg được cung cấp dưới dạng viên nang gelatin cứng (khoảng 18 mm) với thân màu caramel đục có in số "9" và nắp màu đục caramel có in chữ "MS" bằng mực trắng.

<https://healthyngthu.com/shop/>

Nó có sẵn trong chai nhựa có chất hút ẩm 28 hoặc 30 viên và trong vỉ đơn vị đục lỗ chứa viên nang 14x1, 28x1 hoặc 30x1.

Không phải tất cả các kích cỡ gói có thể được bán trên thị trường.

Người giữ giấy phép tiếp thị
Phòng thí nghiệm MSN Châu Âu Limited
Nhà Invision, Đường Wilbury
Hitchin, SG4 0TY
Vương quốc Anh

nhà chế tạo
Công ty TNHH chăm sóc sức khỏe Pharmadox
Khu công nghiệp KW20A Kordin
PLA3000 Paola
Malta

Phòng thí nghiệm MSN Châu Âu Limited,
Trung tâm thương mại Devonshire, Đường Works,
Thành phố vườn Letchworth,
SG6 1GJ,
Vương quốc Anh

Tờ rơi này được sửa đổi lần cuối vào tháng 2 năm 2022